TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 78/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh n, sinh năm 1992; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 20, khu 6, thị trấn t, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ nơi tạm trú: Tổ 3, khu phố 3, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đ, sinh n ăm 1988; Thôn P, xã V, huyện T, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ nơi tạm trú: Tổ 3, khu phố 3, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh N và anh Nguyễn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đinh N và anh Nguyễn Đ tự nguyện, thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2010, quyển số 05/2010 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/12/2010 cho chị Đinh N và anh Nguyễn Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn L, sinh ngày 15/7/2011 cho chị Đinh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đ có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn L mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày 10/4/2019 cho đến khi cháu Nguyễn L đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đinh N cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh N, anh Nguyễn Đ tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh N phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh Nguyễn Đ phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Chị Đinh N tự nguyện nộp thay cho anh Nguyễn Đ 225.000 đồng, tổng cộng số tiền chị Đinh N phải nộp là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0038584 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chị Đinh N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng